Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

So sánh thuế suất FTA – 7603.20.10

Mã HS	7603.20.10 Bột và vảy nhôm / - Bột có cấu trúc lớp; vảy nhôm: / - - Vảy nhôm
Nước xuất xứ	— Chưa chọn —
Ngày nhập khẩu	2026-11-10
Thời điểm tạo	10/11/2026 08:48:10
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/fta/compare/?hs=76032010

So sánh thuế suất FTA

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất có thể áp dụng	Chênh lệch so MFN (điểm %)	Điều kiện hưởng	Phân loại khuyến cáo	Căn cứ dữ liệu
Thuế NK thông thường	5	5%		Khi không đủ điều kiện MFN		BT2026
MFN	0	0%		Áp dụng cho thành viên WTO/MFN		BT2026
AANZFTA	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)
ACFTA	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)
AHKFTA	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 2026
AIFTA	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 01/01/2026 - 31/12/2026
AJCEP	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 01/4/2026 - 31/3/2027
AKFTA	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất có thể áp dụng	Chênh lệch so MFN (điểm %)	Điều kiện hưởng	Phân loại khuyến cáo	Căn cứ dữ liệu
ATIGA	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 2026
CPTPP	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 (VI)
EVFTA	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 2026
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 2026
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 2026
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 2026
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 2026
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 2026
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 2026
UKVFTA	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 2026
VCFTA	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 2026
VJEPA	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 01/4/2026 - 31/3/2027
VKFTA	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 2026
VN-EAEU	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 2026
VN-LAO	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất có thể áp dụng	Chênh lệch so MFN (điểm %)	Điều kiện hưởng	Phân loại khuyến cáo	Căn cứ dữ liệu
VIFTA	0	0%	0,00	Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Lowest Published Rate	Biểu tổng hợp BT2026 2026
VN-CAM		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu		Eligibility Not Verified – chưa xác minh	Eligibility Not Confirmed	Không có dữ liệu

“Thuế suất công bố” lấy từ biểu thuế nguồn. “Thuế suất có thể áp dụng” chỉ là mức số học sau khi xét loại trừ quốc gia; điều kiện hưởng FTA luôn ở trạng thái chưa xác minh.

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.